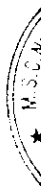


KPMG

**Công ty TNHH Một thành viên –
Tổng Công ty Phát điện 3
(Nay là Tổng Công ty Phát điện 3
– Công ty cổ phần) và các công ty con**

**Báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn
từ ngày 1 tháng 1 năm 2018
đến ngày 30 tháng 9 năm 2018**



**Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con
Thông tin về Công ty**

Quyết định thành lập số 3025/QĐ-BCT ngày 1 tháng 6 năm 2012

Quyết định thành lập do Bộ Công Thương cấp.

**Giấy chứng nhận
Đăng ký doanh nghiệp số** 3502208399 ngày 26 tháng 11 năm 2012

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp và giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp mới nhất là giấy chứng nhận thay đổi lần thứ 5, ngày 27 tháng 9 năm 2018.

Chủ tịch và Ban Tổng Giám đốc điều hành Công ty TNHH Một thành viên - Tổng Công ty Phát điện 3 trong kỳ hoạt động 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2018 bao gồm:

Chủ tịch Ông Nguyễn Văn Lê

Ban Tổng Giám đốc	Ông Đinh Quốc Lâm	Tổng Giám đốc
	Ông Trương Quốc Phúc	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Phan Thanh Xuân	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Lê Văn Danh	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Cao Minh Trung	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Thanh Trùng Dương	Phó Tổng Giám đốc

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con
Thông tin về Công ty

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty cổ phần từ ngày 1 tháng 10 năm 2018 (ngày Công ty cổ phần chính thức hoạt động) trở về sau gồm:

Hội Đồng Quản Trị	Ông Nguyễn Văn Lê Ông Đinh Quốc Lâm Ông Trương Quốc Phúc Ông Đỗ Mộng Hùng	Chủ tịch Thành viên Thành viên Thành viên
Ban Tổng Giám đốc	Ông Đinh Quốc Lâm Ông Phan Thanh Xuân Ông Lê Văn Danh Ông Cao Minh Trung Ông Nguyễn Thanh Trùng Dương Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc
Trụ sở đăng ký	Khu Công Nghiệp Phú Mỹ 1, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu Việt Nam	
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	

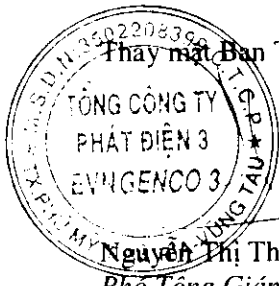
Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 (nay là Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty cổ phần) (gọi tắt là “Tổng Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Tổng Công ty và các công ty con (gọi chung là “Nhóm Công ty”) cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2018 đến ngày 30 tháng 9 năm 2018.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 7 đến trang 50 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 30 tháng 9 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2018 đến ngày 30 tháng 9 năm 2018, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cho rằng Nhóm Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm này.



Nguyễn Thị Thanh Hương
Phó Tổng Giám đốc

Bà Rịa – Vũng Tàu, ngày 23 tháng 11 năm 2018

KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty cổ phần

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 (nay là Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty cổ phần) (gọi tắt là “Tổng Công ty”) và các công ty con (gọi chung là “Nhóm Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 9 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2018 đến ngày 30 tháng 9 năm 2018 và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty phê duyệt phát hành ngày 23 tháng 11 năm 2018, được trình bày từ trang 7 đến trang 50.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con tại ngày 30 tháng 9 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2018 đến ngày 30 tháng 9 năm 2018 phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề nhấn mạnh

Chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ những lưu ý tới Thuyết minh 3(b)(ii) và 3(b)(iii) và 3(b)(iv) trong báo cáo tài chính hợp nhất này.

- Tổng Công ty áp dụng phương pháp xử lý chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản của các công trình điện nằm trong Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo hướng dẫn tại Nghị định số 10/2017/NĐ-CP của Chính phủ ngày 9 tháng 2 năm 2017 (“Nghị định 10”) và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản nợ phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ theo hướng dẫn tại Công văn số 5344/BTC-TCDN của Bộ Tài Chính ngày 25 tháng 4 năm 2017 về việc xử lý chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ năm 2016 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam (“Công văn 5344”), được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận theo Công văn số 122/TB-VPCP của Văn phòng Chính phủ ngày 6 tháng 3 năm 2017 (“Công văn 122”).

Theo hướng dẫn của Nghị định 10, chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản được ghi nhận vào chỉ tiêu “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” được phản ánh trong phần “Vốn chủ sở hữu” và được phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian không quá 5 năm kể từ khi các công trình đi vào hoạt động thương mại. Theo hướng dẫn của Công văn 5344 và Công văn 122, các khoản lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ kế toán năm của các khoản nợ phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 được ghi nhận vào chỉ tiêu “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” thuộc “Vốn chủ sở hữu”, thay vì vào “Chi phí tài chính”, và được phân bổ vào chi phí năm 2016 ít nhất bằng số chênh lệch tỷ giá của các khoản nợ đến hạn trả trong năm 2017 và đảm bảo kết quả sản xuất kinh doanh không lỗ, số còn lại được theo dõi và tiếp tục phân bổ trong thời gian không quá 5 năm. Hướng dẫn của các công văn này có sự khác biệt so với Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp của Bộ Tài chính ngày 22 tháng 12 năm 2014. Ảnh hưởng của việc áp dụng chính sách kế toán này đến báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2018 đến ngày 30 tháng 9 năm 2018 được trình bày tại Thuyết minh 3(b)(ii) và 3(b)(iii) của báo cáo tài chính hợp nhất.

- Tổng Công ty áp dụng phương pháp xử lý chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần theo hướng dẫn tại Điều 21 nghị định 126/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 về việc chuyển doanh nghiệp Nhà nước, công ty TNHH một thành viên do doanh nghiệp Nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần (“Nghị định 126”). Theo đó, chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần, doanh nghiệp cổ phần hóa đánh giá lại theo quy định và không thực hiện kết chuyển vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, số dư khoản chênh lệch tỷ giá tại thời điểm này thực hiện chuyển giao cho công ty cổ phần (sau chuyển đổi doanh nghiệp nhà nước) theo dõi và xử lý theo qui định, thay vì vào “Doanh thu hoạt động tài chính” hoặc “Chi phí tài chính”.

Hướng dẫn của Nghị định 126 có sự khác biệt so với Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp của Bộ Tài chính ngày 22 tháng 12 năm 2014. Ảnh hưởng của việc áp dụng chính sách kế toán này đến báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2018 đến ngày 30 tháng 9 năm 2018 được trình bày tại Thuyết minh 3(b)(iv) của báo cáo tài chính hợp nhất này.


Các vấn đề khác

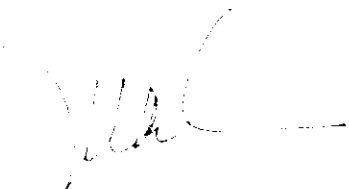
Chúng tôi tiến hành kiểm toán nhằm mục đích đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 7 đến trang 50. Thông tin bổ sung tại trang 51 không phải là phần bắt buộc của báo cáo tài chính hợp nhất và không nằm trong phạm vi của cuộc kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất, do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về thông tin này.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam
Báo cáo kiểm toán số: 18-01-897(b)




Nelson Rodriguez Casihan
Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 2225-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Anh Tuấn
Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0436-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 11 năm 2018

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 9 năm 2018

Mẫu B 01 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/9/2018 VND	1/1/2018 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		19.940.350.776.436	18.796.560.872.860
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	4.514.277.821.705	4.889.503.224.142
Tiền	111		3.398.193.986.089	2.996.003.224.142
Các khoản tương đương tiền	112		1.116.083.835.616	1.893.500.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1.413.320.000.000	1.771.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5(a)	1.413.320.000.000	1.771.000.000.000
Phải thu ngắn hạn	130		10.812.780.634.721	8.947.167.559.377
Phải thu của khách hàng	131	6	10.181.518.501.085	8.494.115.262.620
Trả trước cho người bán	132		271.594.230.347	171.652.902.312
Phải thu ngắn hạn khác	136	7	360.029.101.888	282.627.553.598
Dự phòng phải thu khó đòi	137		(361.198.599)	(1.228.159.153)
Hàng tồn kho	140	8	3.107.966.406.794	3.080.370.970.600
Hàng tồn kho	141		3.108.091.128.345	3.081.307.660.656
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(124.721.551)	(936.690.056)
Tài sản ngắn hạn khác	150		92.005.913.216	108.519.118.741
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		51.830.243.643	2.626.027.908
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		37.178.865.317	92.345.538.765
Thuế phải thu Nhà nước	153	13(b)	2.996.804.256	13.547.552.068

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 9 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/9/2018 VND	1/1/2018 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		59.631.915.688.928	62.588.641.268.619
Phải thu dài hạn	210		3.266.424.000	769.382.459
Phải thu dài hạn khác	216		3.266.424.000	769.382.459
Tài sản cố định	220		54.846.391.283.555	56.869.179.072.117
Tài sản cố định hữu hình	221	9	54.775.880.233.262	56.804.027.238.108
Nguyên giá	222		109.802.297.628.223	109.272.068.630.148
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(55.026.417.394.961)	(52.468.041.392.040)
Tài sản cố định vô hình	227	10	70.511.050.293	65.151.834.009
Nguyên giá	228		91.291.905.985	83.265.837.897
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(20.780.855.692)	(18.114.003.888)
Tài sản dở dang dài hạn	240		2.487.272.804.641	3.788.284.168.769
Xây dựng cơ bản dở dang	242	11	2.487.272.804.641	3.788.284.168.769
Đầu tư tài chính dài hạn	250	5(b)	1.920.296.631.638	1.830.593.857.582
Đầu tư vào các công ty liên kết	252		1.386.942.714.130	1.341.623.914.594
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		536.837.181.388	518.884.589.388
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(3.483.263.880)	(29.914.646.400)
Tài sản dài hạn khác	260		374.688.545.094	99.814.787.692
Chi phí trả trước dài hạn	261		125.781.428.946	35.959.944.300
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	13.879.964.174
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		248.907.116.148	49.974.879.218
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		79.572.266.465.364	81.385.202.141.479

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 9 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

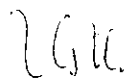
	Mã số	Thuyết minh	30/9/2018 VND	1/1/2018 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		69.766.387.795.991	71.594.803.624.885
Nợ ngắn hạn	310		14.472.033.007.045	12.903.427.315.812
Phải trả người bán	311	12	4.865.692.098.314	6.131.548.072.263
Người mua trả tiền trước	312		915.000.000	34.400.000
Thuế phải nộp Nhà nước	313	13(a)	151.253.443.821	221.091.187.157
Phải trả người lao động	314		135.135.259.912	279.657.435.291
Chi phí phải trả	315		201.614.469.108	101.897.917.392
Doanh thu chưa thực hiện	318		15.952.466.021	15.890.415.131
Phải trả khác	319	14	3.309.049.365.611	988.305.741.258
Vay ngắn hạn	320	15(a)	5.426.787.609.848	4.804.801.993.294
Dự phòng ngắn hạn	321		98.377.185.447	70.242.320.871
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		267.256.108.963	289.957.833.155
Nợ dài hạn	330		55.294.354.788.946	58.691.376.309.073
Doanh thu chưa thực hiện	336		382.744.919.575	394.113.580.552
Vay dài hạn	338	15(b)	54.911.609.869.371	58.297.262.728.521
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		9.805.878.669.373	9.790.398.516.594
Vốn chủ sở hữu	410	16	9.805.878.669.373	9.790.398.516.594
Vốn góp	411	17	10.478.234.644.194	10.561.944.694.725
Thặng dư vốn cổ phần	412		6.014.917.945	6.014.917.945
Vốn khác của chủ sở hữu	414		18.387.593.875	16.273.236.198
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	19	(2.378.304.250.451)	(2.449.196.948.778)
Quỹ đầu tư phát triển	418		362.518.284.511	291.205.621.444
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		15.939.926.044	15.939.926.044
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		853.491.634.889	881.358.003.376
Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		110.593.427.602	114.101.515.647
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		339.002.490.764	352.757.549.993
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		79.572.266.465.364	81.385.202.141.479

Ngày 23 tháng 11 năm 2018

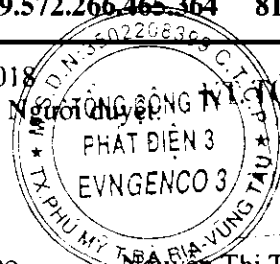
Người lập:



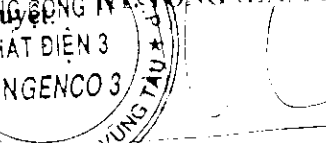
Trần Nguyễn Khánh Linh
 Người lập biểu



Vũ Phương Thảo
 Trưởng Ban Tài chính - kế toán



Người duyệt: **TỔNG GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Thị Thanh Hương
 Phó Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2018
đến ngày 30 tháng 9 năm 2018

Mẫu B 02 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã	Thuyết	Giai đoạn	Năm
	số	minh	từ 1/1/2018	kết thúc
			đến 30/9/2018	31/12/2017
			VND	VND
Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	21	29.290.517.937.087	37.907.111.180.748
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	22	25.595.196.345.512	33.601.837.052.658
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		3.695.321.591.575	4.305.274.128.090
Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	212.041.178.436	206.588.923.828
Chi phí tài chính	22	24	3.407.794.806.802	3.834.288.001.980
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		2.034.789.676.172	2.639.770.574.279
Phần lợi nhuận trong công ty liên kết	24	5(b)	171.991.642.283	175.913.775.282
Chi phí bán hàng	25		101.858.195	95.852.322
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	349.362.542.049	437.013.416.528
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}	30		322.095.205.248	416.379.556.370
Thu nhập khác	31		118.036.690.003	87.553.020.039
Chi phí khác	32		121.032.826.971	35.061.985.866
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(2.996.136.968)	52.491.034.173
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		319.099.068.280	468.870.590.543
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	27	17.118.748.352	153.329.336.737
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	27	13.879.964.174	(1.157.089.417)
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (mang sang trang sau)	60		288.100.355.754	316.698.343.223

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

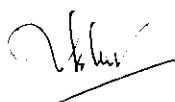
Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2018
đến ngày 30 tháng 9 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 02 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã Thuyết số minh	Giai đoạn từ 1/1/2018 đến 30/9/2018 VND	Năm kết thúc 31/12/2017 VND
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (mang sang từ trang trước)	60	288.100.355.754	316.698.343.223
Phân bổ:			
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61	268.052.205.804	280.726.839.785
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62	20.048.149.950	35.971.503.438

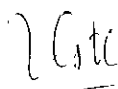
Ngày 23 tháng 11 năm 2018

Người lập:

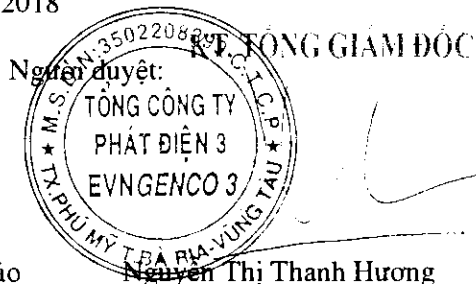


Trần Nguyễn Khánh Linh
 Người lập biểu

Người duyệt:



Vũ Phương Thảo
 Trưởng Ban Tài chính - kế toán



Nguyễn Thị Thanh Hương
 Phó Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2018 đến
ngày 30 tháng 9 năm 2018 (Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn từ 1/1/2018 đến 30/9/2018 VND	Năm kết thúc 31/12/2017 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		319.099.068.280	468.870.590.543
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		3.356.698.313.593	5.030.141.824.339
Các khoản dự phòng	03		24.552.997	(5.152.634.045)
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		1.364.217.313.504	1.175.579.797.120
Lãi từ hoạt động đầu tư và thanh lý tài sản cố định	05		(162.285.480.302)	(177.139.787.366)
Lãi được chia từ công ty liên kết	05		(171.991.642.283)	(175.913.775.282)
Chi phí lãi vay	06		2.034.789.676.172	2.639.770.574.279
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		6.740.551.801.961	8.956.156.589.588
Biến động các khoản phải thu	09		(4.944.752.098.861)	(35.664.843.404)
Biến động hàng tồn kho	10		(88.135.008.047)	(89.653.497.443)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(718.795.778.038)	549.465.516.145
Biến động chi phí trả trước	12		(37.798.984.291)	13.774.052.038
			951.069.932.724	9.394.077.816.924
Tiền lãi vay đã trả	14		(350.920.496.929)	(2.589.663.456.503)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(116.361.233.485)	(32.191.653.983)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(198.731.283.756)	(52.440.798.852)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20		285.056.918.554	6.719.781.907.586

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2018 đến
ngày 30 tháng 9 năm 2018 (Phương pháp gián tiếp)

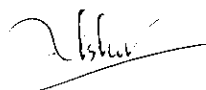
Mẫu B 03 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn từ 1/1/2018 đến 30/9/2018 VND	Năm kết thúc 31/12/2017 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(681.451.327.760)	(1.448.562.313.542)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		210.454.546	229.694.400
Tiền chi đầu tư tiền gửi có thời hạn	23		(1.413.320.000.000)	(1.651.000.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư tiền gửi có kỳ hạn	24		1.752.000.000.000	930.500.000.000
Chuyển công ty con về Tập đoàn Điện lực Việt Nam	26		(35.558.568.910)	-
Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		276.432.690.392	241.432.074.441
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30		(101.686.751.732)	(1.927.400.544.701)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay	33		280.143.160.920	1.491.344.526.277
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(822.669.910.851)	(3.431.990.191.780)
Tiền trả cổ tức	36		(16.068.819.328)	(20.786.335.160)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40		(558.595.569.259)	(1.961.432.000.663)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ/năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		(375.225.402.437)	2.830.949.362.222
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ/năm	60		4.889.503.224.142	2.058.553.861.920
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ/năm (70 = 50 + 60)	70	4	4.514.277.821.705	4.889.503.224.142

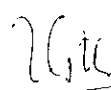
Ngày 23 tháng 11 năm 2018

Người lập:

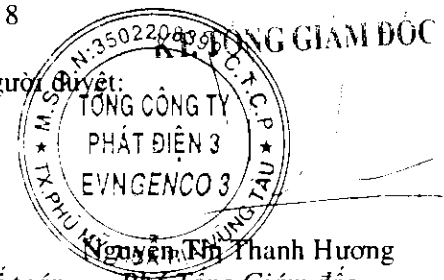


Trần Nguyễn Khánh Linh
 Người lập biểu

Người Quyết:



Vũ Phương Thảo
 Trưởng Ban Tài chính - kế toán



Nguyễn Thị Thanh Hương
 Phó Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2018 đến
ngày 30 tháng 9 năm 2018

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH Một thành viên - Tổng Công ty Phát điện 3 (nay là Công ty Tổng công ty Phát điện 3 – Công ty Cổ phần) (“Tổng Công ty”) được thành lập theo quyết định số 3025/QĐ-BCT ngày 1 tháng 6 năm 2012 của Bộ Công thương, hoạt động theo hình thức Tổng Công ty – Công ty con, trực thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam (“EVN”), trên cơ sở tổ chức, sắp xếp lại Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Phú Mỹ, một số Công ty phát điện, một số Ban quản lý (“BQL”) dự án nguồn điện và tiếp nhận quyền đại diện chủ sở hữu vốn Nhà nước tại một số Công ty phát điện thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

Theo quyết định số 2100/QĐ-TTg ngày 27 tháng 12 năm 2017, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Phát điện 3. Tổng Công ty đã được Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu trên sàn UPCoM tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã giao dịch là PGV theo quyết định số 114/QĐ-SGDHN ngày 14 tháng 3 năm 2018.

Tổng Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3502208399 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 26 tháng 11 năm 2012 và đăng ký thay đổi lần thứ 5, ngày 27 tháng 9 năm 2018. Theo đó, ngày bắt đầu hoạt động của Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty cổ phần là ngày 01 tháng 10 năm 2018.

(b) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Tổng Công ty là sản xuất, kinh doanh điện năng; quản lý vận hành sửa chữa bảo dưỡng, đại tu, cài tạo, nâng cấp thiết bị điện, công trình điện; ngoài ra, Tổng Công ty còn hoạt động trong một số lĩnh vực khoa học, công nghệ, nghiên cứu triển khai, đào tạo phục vụ cho hoạt động chính.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Nhóm Công ty là trong vòng 12 tháng.

(d) Cấu trúc Nhóm Công ty

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2018, Tổng Công ty có 2 công ty con (1/1/2018: 3 công ty con).

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2018 đến
ngày 30 tháng 9 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Cơ cấu tổ chức của Tổng Công ty bao gồm:

- Các Công ty phát điện hạch toán phụ thuộc: Công ty Thủy điện Buôn Kuốp, Công ty Nhiệt điện Vĩnh Tân, Công ty Nhiệt điện Mông Dương, Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ, Công ty Dịch vụ sửa chữa các Nhà máy điện EVNGENCO3;
- Các Ban Quản lý dự án nguồn điện: Ban Quản lý dự án Nhiệt điện 1, Ban Quản lý dự án Nhiệt điện Vĩnh Tân; Ban Quản lý dự án Nhiệt điện Thái Bình; và
- Văn phòng Tổng Công ty.

Các công ty con như sau:

Công ty con	Hoạt động chính	% sở hữu và quyền biểu quyết	
		30/9/2018	1/1/2018
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình	Sản xuất điện, sản xuất sản phẩm hóa chất, sửa chữa và lắp đặt thiết bị điện và các dịch vụ khác có liên quan.	54,76%	54,76%
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa	Sản xuất kinh doanh điện năng, quản lý vận hành bảo dưỡng, sửa chữa, thí nghiệm, hiệu chỉnh, cài tạo thiết bị điện, các công trình kiến trúc nhà máy điện và các sản phẩm dịch vụ có liên quan khác.	79,56%	79,56%
Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Thủ Đức	Sản xuất điện, sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hòa không khí, sửa chữa và kinh doanh thiết bị điện và các dịch vụ có liên quan khác	(*)	100,00%

(*) Tại ngày 1 tháng 1 năm 2018, Tổng công ty đã chuyển giao quyền và nghĩa vụ chủ sở hữu Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Thủ Đức về Tập đoàn Điện lực Việt Nam theo Quyết định số 05/QĐ-EVN ngày 19 tháng 1 năm 2018 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2018, Nhóm Công ty có 3.372 nhân viên (1/1/2018: 3.491 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2018 đến
ngày 30 tháng 9 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2018 đến ngày 30 tháng 9 năm 2018 là kỳ kế toán năm cuối cùng của Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3. Kỳ kế toán năm đầu tiên của Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty Cổ phần là từ ngày 1 tháng 10 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018. Kỳ kế toán năm tiếp theo của Tổng Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Nhóm Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các công ty chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty. Báo cáo tài chính của các công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày quyền kiểm soát bắt đầu có hiệu lực đến ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Tổng Công ty trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tổng Công ty trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2018 đến
ngày 30 tháng 9 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(iii) Mất quyền kiểm soát

Khi mất quyền kiểm soát tại một công ty con, Tổng Công ty dùng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của công ty con cũng như lợi ích cổ đông không kiểm soát và các cấu phần vốn chủ sở hữu khác. Lãi hoặc lỗ phát sinh từ sự kiện này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi thoái vốn phần lợi ích còn lại trong công ty con trước đó (nếu có) được ghi nhận theo giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư trên báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty, sau khi được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua nếu Tổng Công ty vẫn còn ảnh hưởng đáng kể trong đơn vị nhận đầu tư, hoặc trình bày theo giá gốc của khoản đầu tư còn lại nếu không còn ảnh hưởng đáng kể.

(iv) Công ty liên kết

Công ty liên kết là những công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tổng Công ty được hưởng trong thu nhập và chi phí của các công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tổng Công ty, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với các công ty liên kết này. Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Tổng Công ty phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tổng Công ty trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tổng Công ty có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

(v) Các giao dịch loại trừ khi hợp nhất

Số dư của giao dịch nội bộ và các khoản lãi hoặc lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch trong Nhóm Công ty được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Nhóm Công ty tại công ty liên kết.

(vi) Hợp nhất kinh doanh

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Tổng Công ty. Sự kiểm soát tồn tại khi Tổng Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Việc đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

(b) Ngoại tệ

(i) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND lần lượt được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản và bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty hoặc các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2018 đến
ngày 30 tháng 9 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các khoản công nợ với Tập đoàn Điện lực Việt Nam tại ngày kết thúc niên độ kế toán được Tổng Công ty chuyển đổi theo tỷ giá bán ra (bảng chuyển khoản) của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam công bố tại thời điểm lập báo cáo theo hướng dẫn của Công văn số 1779/BTC-CDKT ngày 1 tháng 2 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sử dụng tỷ giá để đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ (“Công văn 1779”) và Công văn số 3195/GENCO3-TC-KT ngày 11 tháng 9 năm 2018 của Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 về việc hướng dẫn lập báo cáo tài chính tại thời điểm đăng ký doanh nghiệp cổ phần lần đầu (“Công văn 3195”).

Ngoại trừ chính sách kế toán áp dụng được trình bày dưới đây, các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(ii) Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản của các công trình điện nằm trong Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia

Theo hướng dẫn tại Nghị định số 10/2017/NĐ-CP của Chính phủ ngày 9 tháng 2 năm 2017 (“Nghị định 10”), các công trình điện nằm trong Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản được ghi nhận vào chi tiêu “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” được phân ánh trong phần “Vốn chủ sở hữu” và sẽ được phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian không quá 5 năm kể từ khi các công trình đi vào hoạt động thương mại. Hướng dẫn của Nghị định 10 có sự khác biệt so với hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp của Bộ Tài chính ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”) mà theo đó các khoản chênh lệch tỷ giá này phải được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh.

Nếu Tổng Công ty áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản nhất quán theo Thông tư 200 qua các năm thì phần chi phí tài chính và lợi nhuận trước thuế của Tổng Công ty cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2018 đến ngày 30 tháng 9 năm 2018 sẽ lần lượt giảm và tăng cùng một khoản là 492.968.936.511 VND (cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017: lần lượt giảm và tăng là 410.339.937.447 VND), chi tiêu “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” trong phần “Vốn chủ sở hữu”, và “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên bảng cân đối kế toán hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 9 năm 2018 (giả định bỏ qua tác động của thuế, nếu có) sẽ lần lượt tăng và giảm 605.520.036.993 VND (1/1/2018: lần lượt tăng và giảm 1.098.488.973.504 VND).

(iii) Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản nợ phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ

Tổng Công ty áp dụng phương pháp xử lý chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản nợ phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ theo hướng dẫn của Công văn số 5344/BTC-TCDN của Bộ Tài chính ngày 25 tháng 4 năm 2017 về việc xử lý chênh lệch tỷ giá đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của Tập đoàn điện lực Việt Nam (“Công văn 5344”), được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận theo Công văn số 122/TB-VPCP của Văn phòng Chính phủ ngày 6 tháng 3 năm 2017 (“Công văn 122”). Theo hướng dẫn của Công văn 5344 và Công văn 122, các khoản lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ kế toán năm của các khoản nợ phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 được ghi nhận vào chi tiêu “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” thuộc “Vốn chủ sở hữu”, thay vì vào “Chi phí tài chính”, và sẽ được phân bổ vào chi phí năm 2016 ít nhất bằng số chênh lệch tỷ giá của các khoản nợ đến hạn trả trong năm 2017 và đảm bảo kết quả sản xuất kinh doanh không lỗ, số còn lại được theo dõi và tiếp tục phân bổ trong thời gian không quá 5 năm.

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2018 đến
ngày 30 tháng 9 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Nếu Tổng Công ty áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo Thông tư 200 qua các năm thì chi phí tài chính và lợi nhuận trước thuế của Tổng Công ty cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2018 đến ngày 30 tháng 9 năm 2018 sẽ giảm và tăng tương ứng là 979.679.014.804 VND (cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017: lần lượt giảm và tăng là: 514.677.440.921 VND), chi tiêu “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” trong phần “Vốn chủ sở hữu” và “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên bảng cân đối kế toán hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 9 năm 2018 (giả định bỏ qua tác động của thuế, nếu có) sẽ lần lượt tăng và giảm 371.028.960.470 VND, (1/1/2018: lần lượt tăng và giảm 1.350.707.975.274 VND).

(iv) Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm chính thức chuyển thành Công ty Cổ phần

Theo hướng dẫn tại Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ về chuyên doanh nghiệp Nhà nước, công ty TNHH một thành viên do doanh nghiệp Nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần (“Nghị định 126”) chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần, doanh nghiệp cổ phần hóa đánh giá lại theo quy định và không thực hiện kết chuyển vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, số dư khoản chênh lệch tỷ giá tại thời điểm này thực hiện chuyển giao cho công ty cổ phần (sau chuyển đổi doanh nghiệp nhà nước) theo dõi và xử lý theo quy định.

Nếu Tổng Công ty áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá tại thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần theo Thông tư 200 thì chi phí tài chính và lợi nhuận trước thuế của Tổng Công ty cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2018 đến ngày 30 tháng 9 năm 2018 sẽ tăng và giảm tương ứng là 1.401.755.252.988 VND, chi tiêu “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” trong phần “Vốn chủ sở hữu” và “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên bảng cân đối kế toán riêng của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 9 năm 2018 (giả định bỏ qua ảnh hưởng của thuế, nếu có) sẽ lần lượt tăng và giảm 1.401.755.252.988 VND.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc Nhóm Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2018 đến
ngày 30 tháng 9 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá trị hợp lý của khoản đầu tư thấp hơn giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Tổng Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi giá trị hợp lý của chứng khoán tăng lên hoặc khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận trực tiếp.

(e) Các khoản phải thu

Phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy định quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính. Giá trị tạm tính được xác định theo các cách sau: theo giá trị thực hiện đầu tư nếu tập hợp đủ chi phí vào giá thành công trình, theo dự toán được duyệt hoặc theo giá trị của những tài sản tương đương. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2018 đến
ngày 30 tháng 9 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 40 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 20 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 – 20 năm
▪ thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 10 năm
▪ tài sản cố định khác	5 – 10 năm

(h) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất gồm có:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thanh toán tiền sử dụng đất;
- Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp phát sinh liên quan tới việc bảo đảm quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá và không tính khấu hao.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

(iii) Bản quyền chuyển giao công nghệ

Bản quyền chuyển giao công nghệ được ghi nhận theo giá gốc và được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm.

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho công trình xây dựng chưa được hoàn thành và máy móc chưa lắp đặt xong. Nhóm Công ty không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2018 đến
ngày 30 tháng 9 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(j) Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản do Nhóm Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

(k) Phải trả người bán và phải trả khác

Phải trả người bán và phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(l) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Nhóm Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các nghĩa vụ về khoản nợ phải trả đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến có thể phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá hiện tại của thị trường về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(m) Vốn góp

Vốn góp được ghi nhận tại ngày góp vốn theo số thực góp trừ đi các chi phí liên quan trực tiếp đến việc góp vốn.

(n) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ/năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ/năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán kỳ, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ/năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán kỳ/năm.

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2018 đến
ngày 30 tháng 9 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(o) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh dựa trên sản lượng điện cung cấp vào hệ thống truyền tải điện và có xác nhận của khách hàng. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc niên độ. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(iv) Doanh thu từ tiền lãi

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(v) Doanh thu từ cổ tức

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(p) Các khoản thanh toán thuế hoạt động

Các khoản thanh toán thuế hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2018 đến
ngày 30 tháng 9 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(q) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(r) Các bên liên quan

Các bên được xem có liên quan với Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên khác hoặc có ảnh hưởng đáng kể đến bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động kinh doanh, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các cá nhân hoặc các tổ chức doanh nghiệp và bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được xem là các bên liên quan.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/9/2018	1/1/2018
	VND	VND
Tiền mặt	3.419.926.822	2.142.279.718
Tiền gửi ngân hàng	3.394.774.059.267	2.993.860.944.424
Các khoản tương đương tiền	1.116.083.835.616	1.893.500.000.000
	<hr/>	<hr/>
	4.514.277.821.705	4.889.503.224.142

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc một đến ba tháng tại ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác với lãi suất được hưởng là 4,0% - 5,4% một năm (năm 2017: 4,3% - 5,5% một năm).

5. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/9/2018	1/1/2018
	VND	VND
Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực, một bên liên quan	200.000.000.000	490.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	1.213.320.000.000	1.281.000.000.000
	<hr/>	<hr/>
	1.413.320.000.000	1.771.000.000.000

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng và dưới 12 tháng với lãi suất được hưởng là 4,8% - 7,2% một năm (2017: 5,3% - 7,1% một năm).

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2018 đến ngày 30 tháng 9 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư tài chính dài hạn

	% sở hữu	30/9/2018		1/1/2018	
		Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư vào công ty liên kết					
▪ Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà (i)	30,00%	292.543.554.840	466.725.000.000	271.553.053.099	457.200.000.000
▪ Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh (ii)	30,55%	919.964.444.421	1.109.098.284.800	898.907.128.098	1.083.891.505.600
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Sê San 3A (iii)	30,00%	174.434.714.869	(*)	171.163.733.397	(*)
		1.386.942.714.130		1.341.623.914.594	

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2018 đến ngày 30 tháng 9 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	30/9/2018			1/1/2018				
	% sở hữu	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	% sở hữu	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào đơn vị khác								
▪ Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	2,50%	83.022.592.000	187.662.592.000	-	2,50%	64.000.000.000	238.584.320.000	-
▪ Công ty TNHH Dịch vụ Năng lượng GE PMTP	15,00%	74.463.661.588	(*)	-	15,00%	74.463.661.588	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Điện Việt Lào	0,60%	19.600.000.000	(*)	-	0,60%	19.600.000.000	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	(iv) 1,80%	114.770.927.800	113.417.663.920	1.353.263.880	1,80%	114.770.927.800	84.856.281.400	29.914.646.400
▪ Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng	(iv) 1,60%	108.730.000.000	106.600.000.000	2.130.000.000	1,60%	108.730.000.000	123.300.000.000	-
▪ Công ty Cổ phần Thủy Điện Bùn Đôn	19,89%	83.750.000.000	(*)	-	19,89%	83.750.000.000	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Phú Thạnh Mỹ	12,10%	50.000.000.000	(*)	-	12,10%	50.000.000.000	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Dịch vụ sửa chữa Nhiệt Điện Miền Bắc	2,70%	2.500.000.000	(*)	-	2,70%	2.500.000.000	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	-	-	-	-	0,03%	1.070.000.000	2.434.250.000	-
		536.837.181.388	(*) 3.483.263.880			518.884.589.388	(*) 29.914.646.400	

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2018 đến
ngày 30 tháng 9 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- (*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào đơn vị này tại ngày báo cáo do không có sẵn thông tin về giá thị trường của các khoản đầu tư này.
- (i) Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 1603000069 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp ngày 31 tháng 03 năm 2006. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà là sản xuất và kinh doanh điện năng.
- (ii) Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước – Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh, là một đơn vị hạch toán phụ thuộc của Nhóm Công ty Điện lực Việt Nam. Ngày 04 tháng 5 năm 2005, Nhà máy chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh theo giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3503000058 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp ngày 04 tháng 05 năm 2005. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh là sản xuất và kinh doanh điện năng.
- (iii) Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Sê San 3A chính thức đi vào hoạt động ngày 01 tháng 11 năm 2003 theo công văn số 1391/CP-CN ngày 10/10/2003 của Thủ tướng Chính phủ. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Sê San 3A là xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng, đầu tư xây dựng các công trình thủy điện và xây dựng công nghiệp.
- (iv) Công ty cổ phần nhiệt điện Quảng Ninh và công ty cổ phần nhiệt điện Hải Phòng lần lượt đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) từ các ngày 16 tháng 3 năm 2017 và ngày 5 tháng 10 năm 2016 (“ngày niêm yết”). Do đó, dự phòng đầu tư tài chính dài hạn của Công ty cho các khoản đầu tư vào hai công ty này dựa vào giá thị trường kể từ ngày niêm yết. Trước ngày niêm yết, dự phòng đầu tư tài chính dài hạn của Công ty cho các khoản đầu tư vào hai công ty này được lập khi hai công ty này phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư.

Thông tin tài chính tóm tắt về các công ty liên kết của Nhóm Công ty được trình bày như sau:

	30/9/2018	1/1/2018
	VND	VND
Tổng tài sản	9.659.291.024.750	8.678.953.518.987
Tổng công nợ	5.216.546.471.960	4.372.130.740.683
Tài sản thuần	4.442.744.552.790	4.306.822.778.304
Phần tài sản thuần trong các công ty liên kết	1.386.942.714.130	1.341.623.914.594
	Giai đoạn	Năm
	từ 1/1/2018	kết thúc
	đến 30/9/2018	31/12/2017
	VND	VND
Doanh thu	1.072.609.347.269	1.214.620.759.101
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN	568.194.635.486	580.700.220.247
Phần lợi nhuận trong các công ty liên kết	171.991.642.283	175.913.775.282

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2018 đến
ngày 30 tháng 9 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Biến động đầu tư vào công ty liên kết trong kỳ/năm như sau:

	Giai đoạn từ 1/1/2018 đến 30/9/2018 VND	Năm kết thúc 31/12/2017 VND
Số dư đầu kỳ/năm	1.341.623.914.594	1.287.523.689.312
Phân lợi nhuận trong các công ty liên kết	171.991.642.283	175.913.775.282
Chia cổ tức	(125.581.948.000)	(121.813.550.000)
Chuyển giao về Tập đoàn Điện lực Việt Nam	(1.090.894.747)	-
Số dư cuối kỳ/năm	1.386.942.714.130	1.341.623.914.594

Biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn trong kỳ/năm như sau:

	Giai đoạn từ 1/1/2018 đến 30/9/2018 VND	Năm kết thúc 31/12/2017 VND
Số dư đầu kỳ/năm	29.914.646.400	42.716.257.907
Hoàn nhập	(26.431.382.520)	(12.801.611.507)
Số dư cuối kỳ/năm	3.483.263.880	29.914.646.400

6. Phải thu của khách hàng

	30/9/2018 VND	1/1/2018 VND
Bên liên quan		
Công ty Mua bán điện	10.059.088.650.826	8.462.852.528.470
Nhà máy nhiệt điện Thái Bình (thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam)	96.224.131.300	-
Nhà máy điện Vĩnh Tân 4 (thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam)	13.705.661.200	9.171.757.100
Các bên liên quan khác	833.772.937	2.746.860.739
Bên thứ ba		
Các khách hàng khác	11.666.284.822	19.344.116.311
Tổng cộng	10.181.518.501.085	8.494.115.262.620

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2018 đến
ngày 30 tháng 9 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

7. Phải thu ngắn hạn khác

	30/9/2018	1/1/2018
	VND	VND
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	7.211.873.623	98.292.977.878
Dự án Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 4 và Vĩnh Tân 4 mở rộng	218.741.729.220	-
Công ty TNHH Hyundai Việt Nam	752.190.546	185.242.610
Lãi tiền gửi phải thu	35.479.345.211	24.943.348.477
Cổ tức được chia	27.000.000.000	14.258.437.500
Công ty Tài chính Cổ phần Điện Lực	5.395.890.411	2.722.222.222
Phải thu khác	65.448.072.877	142.225.324.911
	<hr/>	
	360.029.101.888	282.627.553.598
	<hr/>	

8. Hàng tồn kho

	30/9/2018		1/1/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	11.731.955.901	-	163.688.001.391	-
Nguyên vật liệu	3.005.434.447.525	(124.721.551)	2.839.114.070.812	(936.690.056)
Công cụ và dụng cụ	74.745.868.685	-	53.101.657.256	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	15.510.725.998	-	25.153.916.771	-
Thành phẩm	668.130.236	-	250.014.426	-
	<hr/>		<hr/>	
	3.108.091.128.345	(124.721.551)	3.081.307.660.656	(936.690.056)
	<hr/>		<hr/>	

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho phản ánh dự phòng giảm giá nguyên vật liệu và có biến động trong kỳ/năm như sau:

	Giai đoạn	Năm
	từ 1/1/2018	kết thúc
	đến 30/9/2018	31/12/2017
	VND	VND
Số dư đầu kỳ/năm	936.690.056	406.302.233
Tăng dự phòng trong kỳ/năm	51.574.662	530.387.823
Hoàn nhập	(863.543.167)	-
	<hr/>	
Số dư cuối kỳ/năm	124.721.551	936.690.056
	<hr/>	

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2018 đến ngày 30 tháng 9 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

9. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	19.152.186.908.935	83.180.477.499.223	6.797.119.593.368	142.056.050.701	228.577.921	109.272.068.630.148
Tăng trong kỳ	8.165.692.155	11.355.494.141	8.470.048.141	10.139.459.677	-	38.130.694.114
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (thuyết minh 11)	68.042.196.185	115.533.429.856	20.420.287.342	1.215.807.777	-	205.211.721.160
Điều chỉnh theo quyết toán (thuyết minh 11)	(739.482.502.757)	2.027.124.927.810	(235.539.763.697)	(32.654.545)	-	1.052.102.661.356
Bàn giao sang các bên liên quan khác			(4.683.961.554)			(4.716.616.099)
Chuyển công ty con về Tập đoàn Điện lực Việt Nam (thuyết minh 1(d))	(15.460.713.720)	(769.421.708.141)	(8.542.169.096)	(4.029.478.642)	(35.714.285)	(797.489.783.884)
Thanh lý	-	(165.515.832)	(3.029.545.083)	(87.443.050)	-	(3.282.503.965)
(Giảm)/Tăng khác	(14.794.140.574)	55.066.965.967	-	-	-	40.272.825.393
Số dư cuối kỳ	18.458.657.440.224	84.619.971.093.024	6.574.214.489.421	149.261.741.918	192.863.636	109.802.297.628.223
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	5.621.170.380.632	44.107.414.192.159	2.637.192.331.010	102.075.442.650	189.045.589	52.468.041.392.040
Khấu hao trong kỳ	380.337.983.865	2.700.113.378.476	262.812.791.429	10.760.954.596	6.353.423	3.354.031.461.789
Bàn giao sang các bên liên quan khác			(10.726.834)			(10.726.834)
Chuyển công ty con về Tập đoàn Điện lực Việt Nam						
(thuyết minh 1(d))	(15.400.624.386)	(764.234.076.463)	(6.596.892.039)	(3.354.056.192)	(35.714.285)	(789.621.363.365)
Thanh lý	-	(165.515.832)	(3.029.545.083)	(87.443.050)	-	(3.282.503.965)
Giảm khác	(2.740.864.704)	-	-	-	-	(2.740.864.704)
Số dư cuối kỳ	5.983.366.875.407	46.043.127.978.340	2.890.367.958.483	109.394.898.004	159.684.727	55.026.417.394.961
Giá trị còn lại						
Số dư đầu kỳ	13.531.016.528.303	39.073.063.307.064	4.159.927.262.358	39.980.608.051	39.532.332	56.804.027.238.108
Số dư cuối kỳ	12.475.290.564.817	38.576.843.114.684	3.683.846.530.938	39.866.843.914	33.178.909	54.775.880.233.262

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2018 đến
ngày 30 tháng 9 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá 29.282.360.445.770 VND đã được khấu hao hết tại ngày 30 tháng 9 năm 2018 (1/1/2018: 26.135.642.244.347 VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2018, các tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 1.887 tỷ VND (1/1/2018: 1.963 tỷ VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tổng công ty (Thuyết minh 15(b)(*)).

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Bản quyền chuyển giao công nghệ VND	Khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	67.463.477.322	12.031.469.427	3.770.891.148	-	83.265.837.897
Tăng trong kỳ	-	1.430.000.000	254.499.000	191.646.088	1.876.145.088
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (thuyết minh 11)	6.149.923.000	-	-	-	6.149.923.000
	73.613.400.322	13.461.469.427	4.025.390.148	191.646.088	91.291.905.985
Khấu hao trong kỳ					
Số dư đầu năm	10.086.599.280	4.256.513.460	3.770.891.148	-	18.114.003.888
Khấu hao trong kỳ	1.814.307.931	830.103.586	18.471.702	3.968.585	2.666.851.804
Số dư cuối kỳ	11.900.907.211	5.086.617.046	3.789.362.850	3.968.585	20.780.855.692
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	57.376.878.042	7.774.955.967	-	-	65.151.834.009
Số dư cuối kỳ	61.712.493.111	8.374.852.381	236.027.298	187.677.503	70.511.050.293

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2018, trong quyền sử dụng đất có quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định với nguyên giá là 8.015.608.652 VND (1/1/2018: 8.015.608.652 VND) không tính khấu hao.

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 8.266.584.853 VND đã được khấu hao hết tại ngày 30 tháng 9 năm 2018 (1/1/2018: 8.266.854.853 VND) nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2018 đến
ngày 30 tháng 9 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

11. Xây dựng cơ bản dở dang

	Giai đoạn từ 1/1/2018 đến 30/9/2018 VND	Năm kết thúc 31/12/2017 VND
Số dư đầu kỳ	3.788.284.168.769	3.414.930.012.417
Tăng trong kỳ	343.862.237.668	1.299.858.698.895
Chi phí lãi vay vốn hóa	15.396.266.976	12.197.470.951
Chuyển sang hàng tồn kho	(225.438.924.313)	(564.959.929.281)
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình (thuyết minh 9)	(205.211.721.160)	(319.599.902.860)
Giảm do quyết toán (thuyết minh 9)	(1.052.102.661.356)	-
Chuyển sang tài sản cố định vô hình (thuyết minh 10)	(6.149.923.000)	-
Chuyển sang chi phí trả trước	(101.226.716.090)	-
Giảm khác	(70.139.922.853)	(54.142.181.353)
Số dư cuối kỳ	2.487.272.804.641	3.788.284.168.769

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang gồm:

	30/9/2018 VND	1/1/2018 VND
Nhà máy Nhiệt điện Mông Dương	1.221.947.927.450	1.546.836.406.303
Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 2	162.729.518.607	711.263.163.190
Cơ sở hạ tầng Trung tâm Điện lực Vĩnh Tân	660.160.223.232	897.011.032.903
Cảng than Vĩnh Tân	334.257.403.904	483.510.872.821
Khác	108.177.731.448	149.662.693.552
Số dư cuối kỳ	2.487.272.804.641	3.788.284.168.769

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2018 đến
ngày 30 tháng 9 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

12. Phải trả người bán

	30/9/2018	1/1/2018
	VND	VND
Bên liên quan		
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	42.071.791.336	362.080.222
Các bên liên quan khác	9.538.028.849	8.488.557.510
Bên thứ ba		
Công ty Vận chuyển Khí Đông Nam Bộ	2.295.234.627.479	3.190.542.474.065
Công ty Shanghai Electric Group	1.486.382.804.864	1.525.447.889.495
Các nhà cung cấp khác	1.032.464.845.786	1.406.707.070.971
	<hr/>	<hr/>
	4.865.692.098.314	6.131.548.072.263
	<hr/>	<hr/>
Số có khả năng trả nợ	4.865.692.098.314	6.131.548.072.263
	<hr/>	<hr/>

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2018 đến ngày 30 tháng 9 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

13. Thuế phải nộp và phải thu Nhà nước

(a) Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2018 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã nộp trong kỳ VND	Phân loại lại VND	Chuyển về Tập đoàn Điện lực Việt Nam VND	30/9/2018 VND
Thuế giá trị gia tăng	47.512.377.284	779.102.169.308	(777.795.347.892)	(10.627.961.478)	(405.976.083)	37.785.261.139
Thuế thu nhập doanh nghiệp	102.098.988.924	17.124.303.898	(116.361.233.485)	1.783.118.788	(808.865.941)	3.836.312.184
Thuế nhà thầu	-	59.331.848.004	(53.826.682.451)	-	-	5.505.165.553
Thuế xuất nhập khẩu	-	15.839.556.738	(15.839.556.738)	-	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	3.677.497.728	63.644.144.917	(62.275.274.888)	(1.690.203.134)	-	3.356.164.623
Thuế tài nguyên	37.331.683.827	256.109.123.566	(253.944.503.753)	79.438.427	(5.760)	39.575.736.307
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	26.089.448.904	(11.896.921.926)	(49.625)	-	14.192.477.353
Phí, lệ phí - phí dịch vụ môi trường rừng	30.470.639.394	116.131.957.307	(99.656.782.740)	56.512.701	-	47.002.326.662
Các loại thuế khác	-	16.130.955.306	(16.130.955.306)	-	-	-
	221.091.187.157	1.349.503.507.948	(1.407.727.259.179)	(10.399.144.321)	(1.214.847.784)	151.253.443.821

(b) Thuế phải thu Nhà nước

	1/1/2018 VND	Số phải thu trong kỳ VND	Số đã thu trong kỳ VND	Phân loại lại VND	Chuyển về Tập đoàn Điện lực Việt Nam VND	30/9/2018 VND
Thuế giá trị gia tăng	10.627.961.478	-	-	(10.627.961.478)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	140.450.000	-	-	1.783.118.788	-	1.923.568.788
Thuế thu nhập cá nhân	2.779.090.965	-	-	(1.690.203.134)	(151.603.491)	937.284.340
Thuế tài nguyên	-	-	-	79.438.427	-	79.438.427
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	49.625	-	-	(49.625)	-	-
Phí, lệ phí - phí dịch vụ môi trường rừng	-	-	-	56.512.701	-	56.512.701
	13.547.552.068	-	-	(10.399.144.321)	(151.603.491)	2.996.804.256

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2018 đến
ngày 30 tháng 9 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

14. Phải trả khác

	30/9/2018	1/1/2018
	VND	VND
Bên liên quan		
Tập đoàn Điện lực Việt Nam (*)	2.869.858.506.510	692.641.114.110
Các bên liên quan khác	44.304.863.693	-
Bên thứ ba		
Thuế giá trị gia tăng tạm tính	146.215.216.225	180.234.266.182
Phải trả từ bán cổ phần	98.349.816.694	-
Chi phí chuyên gia	66.789.916.722	50.122.891.107
Phải trả khác	83.531.045.767	65.307.469.859
	3.309.049.365.611	988.305.741.258

(*) Chi tiết các khoản phải trả khác cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam

	30/9/2018	1/1/2018
	VND	VND
Gốc, lãi vay, phí vay lại, thuế nhà thầu (chưa bù trừ qua tiền điện)	2.275.532.138.470	-
Lãi vay, phí vay lại và thuế nhà thầu phải trả đến ngày 30 tháng 9 năm 2018	519.881.469.214	672.519.931.249
Lợi nhuận chuyển về Tập đoàn Điện lực Việt Nam	74.444.898.826	-
Phải trả khác	-	20.121.182.861
	2.869.858.506.510	692.641.114.110

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2018 đến ngày 30 tháng 9 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

15. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2018		Biến động trong kỳ		30/9/2018	
	VND		Tăng VND	Giảm VND	Chênh lệch tỷ giá VND	VND
Vay ngắn hạn	-	211.000.000.000	(211.000.000.000)	-	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả	4.804.801.993.294	4.801.223.921.318	(4.187.664.166.162)	8.425.861.398	5.426.787.609.848	
	4.804.801.993.294	5.012.223.921.318	(4.398.664.166.162)	8.425.861.398	5.426.787.609.848	
Số có khả năng trả nợ	4.804.801.993.294				5.426.787.609.848	

(b) Vay dài hạn

	1/1/2018		Biến động trong kỳ		Chênh lệch tỷ giá	
	VND		Tăng VND	Giảm VND	VND	30/9/2018 VND
Vay dài hạn	58.297.262.728.521	69.143.160.920	(4.801.223.921.318)	1.346.427.901.248	54.911.609.869.371	

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2018 đến
ngày 30 tháng 9 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Năm đáo hạn	30/9/2018 VND	1/1/2018 VND
Vay từ các tổ chức				
<i>Dự án Nhiệt điện Mông Dương</i>				
Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Thăng Long	VND	2025	103.604.510.566	119.480.387.242
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	VND	2018	-	97.395.223.254
<i>Dự án Nhiệt Điện Vĩnh Tân 2</i>				
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Sỡ giao dịch I	VND	2024	2.068.000.000.000	2.350.000.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	VND	2025	1.572.868.821.888	1.741.390.481.376
<i>Dự án Thủy điện Buôn Kuốp</i>				
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - Chi nhánh Hà Nội	VND	2025	260.000.000.000	290.000.000.000
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	VND	2018	-	178.000.000.000
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Trần Duy Hưng	VND	2021	78.777.118.612	102.393.118.612
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (*)	VND	2019	92.068.364.311	184.132.364.311
<i>Dự án Thủy điện Buôn Tua Srah</i>				
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	VND	2018	-	338.000.000.000
<i>Dự án Thủy điện Srêpôk 3</i>				
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	VND	2018	-	202.000.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	VND	2019	221.369.062.761	-
<i>Dự án Cơ sở hạ tầng Trung tâm Điện lực Vĩnh Tân</i>				
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - Chi nhánh Tây Nam Hà Nội	VND	2026	233.945.112.081	164.801.951.161
			4.630.632.990.219	5.767.593.525.956

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2018 đến
ngày 30 tháng 9 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Loại tiền	Năm đáo hạn	30/9/2018 VND	1/1/2018 VND
Vay lại từ Tập đoàn Điện lực Việt Nam				
<i>Dự án Nhiệt điện Mông Dương</i>				
Ngân hàng Phát triển Châu Á	USD	2032	454.606.455.267	449.463.107.334
Ngân hàng Phát triển Châu Á	USD	2034	19.554.327.054.073	19.249.288.966.287
Ngân hàng Xuất nhập khẩu Hàn Quốc	USD	2028	9.048.109.711.516	9.728.811.701.938
<i>Dự án Nhiệt Điện Vĩnh Tân 2</i>				
Ngân hàng Xuất nhập khẩu Trung Quốc	USD	2027	6.309.685.393.524	6.820.268.027.292
Ngân hàng Xuất nhập khẩu Trung Quốc	CNY	2027	1.685.494.354.842	1.948.880.435.441
Ngân hàng Xuất nhập khẩu Trung Quốc	USD	2028	13.248.226.816.493	12.888.251.462.258
<i>Dự án Thủy điện Buôn Kuốp</i>				
Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật Bản	JPY	2026	87.125.866.733	96.072.108.793
Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật Bản	JPY	2028	65.593.261.265	71.059.575.068
<i>Dự án Thủy điện Buôn Tua Srah</i>				
Ngân hàng Xuất nhập khẩu Trung Quốc	USD	2020	73.852.025.199	107.768.022.992
Ngân hàng TMCP Á Châu	VND	2019	55.790.241.320	83.590.802.249
<i>Dự án Thủy điện Srêpôk 3</i>				
Ngân hàng Doanh nghiệp và Đầu tư Credit Agricole Việt Nam	USD	2020	196.199.073.599	229.041.639.962
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	VND	2019	-	332.053.575.761
<i>Dự án Nhiệt điện Phú Mỹ</i>				
Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật Bản	JPY	2028	4.413.366.437.868	4.781.161.023.365
<i>Dự án Đuôi hơi 306-2 Nhà Máy Điện Bà Rịa</i>				
Chi nhánh Ngân hàng Phát Triển Bà Rịa – Vũng Tàu	KRW	2028	515.387.797.301	548.760.747.119
			55.707.764.489.000	57.334.471.195.859
			60.338.397.479.219	63.102.064.721.815
Trong đó, thanh toán trong vòng 12 tháng			5.426.787.609.848	4.804.801.993.294

Lãi suất thực tế trong kỳ của các khoản vay USD từ 2,01% đến 6,17% (năm 2017: từ 1,65% đến 5,15%).

Lãi suất thực tế trong kỳ của các khoản vay VND từ 8,98% đến 10,03% (năm 2017: từ 8,80% đến 9,80%).

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2018 đến
ngày 30 tháng 9 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Lãi suất thực tế trong kỳ của các khoản vay JPY từ 0,95% đến 2,75% (năm 2017: từ 1,15% đến 2,75%).

Lãi suất thực tế trong kỳ của các khoản vay CNY là 3,40% (năm 2017: 3,60%).

Lãi suất thực tế trong kỳ của các khoản vay KRW là 2,40% trong suốt thời hạn cho vay lại là 13 năm.

(*) Khoản vay từ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam được đảm bảo bằng nhà máy Thủy điện Buôn Kuốp có giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 9 năm 2018 là 1.887 tỷ VND (1/1/2018: 1.963 tỷ VND).

Các khoản vay trực tiếp từ các Ngân hàng thương mại trong nước còn lại được bảo lãnh bởi Công ty mẹ, Tập đoàn Điện lực Việt Nam, và không có tài sản đảm bảo.

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2018 đến ngày 30 tháng 9 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

16. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn góp VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	10.561.944.694.725	6.014.917.945	16.273.236.198	(3.374.214.327.146)	218.278.897.602	15.939.926.044	825.628.673.005	114.101.515.647	344.561.911.953	8.728.529.445.973
Trích đầu tư phát triển	-	-	-	-	73.425.935.578	-	(73.425.935.578)	-	-	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(151.571.573.836)	-	(6.683.732.398)	(158.255.306.234)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	280.726.839.785	-	35.971.503.438	316.698.343.223
Chênh lệch tỷ giá	-	-	-	925.017.378.368	-	-	-	-	-	925.017.378.368
Có tức	-	-	-	-	-	-	-	-	(21.092.133.000)	(21.092.133.000)
Giảm khác	-	-	-	-	(499.211.736)	-	-	-	-	(499.211.736)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	10.561.944.694.725	6.014.917.945	16.273.236.198	(2.449.196.948.778)	291.205.621.444	15.939.926.044	881.358.003.376	114.101.515.647	352.757.549.993	9.790.398.516.594

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2018 đến ngày 30 tháng 9 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Vốn góp VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2018	10.561.944.694.725	6.014.917.945	16.273.236.198	(2.449.196.948.778)	291.205.621.444	15.939.926.044	881.358.003.376	114.101.515.647	352.757.549.993	9.790.398.516.594
Tặng khác	14.542.592.000	-	-	-	499.211.736	-	-	-	-	15.041.803.736
Chuyển về Tập đoàn Điện lực Việt Nam	(3.327.218.134)	-	-	-	-	-	(74.444.898.826)	-	-	(77.772.116.960)
Bản giao Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Thủ Đức (*)	(94.925.424.397)	-	(1.566.487.558)	-	(21.540.842.227)	-	-	(3.508.088.045)	-	(121.540.842.227)
Phân loại lại	-	-	3.680.845.235	-	(3.680.845.235)	-	-	-	-	-
Trích đầu tư phát triển	-	-	-	-	96.035.138.793	-	(96.035.138.793)	-	-	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(125.438.536.672)	-	(6.772.643.995)	(132.211.180.667)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	268.052.205.804	-	20.048.149.950	288.100.355.754
Chênh lệch tỷ giá Cờ bạc	-	-	-	70.892.698.327	-	-	-	-	-	70.892.698.327
	-	-	-	-	-	-	-	-	(27.030.565.184)	(27.030.565.184)
Số dư tại ngày 30 tháng 9 năm 2018	10.478.234.644.194	6.014.917.945	18.387.593.875	(2.378.304.250.451)	362.518.284.511	15.939.926.044	853.491.634.889	110.593.427.602	339.002.490.764	9.805.878.669.373

(*) Theo Quyết định số 05/QĐ-EVN ngày 19 tháng 1 năm 2018 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Điện lực Việt Nam chuyển giao quyền và nghĩa vụ chủ sở hữu Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Thủ Đức từ Tổng Công ty Phát điện 3 về Tập đoàn Điện lực Việt Nam từ ngày 1 tháng 1 năm 2018 (thuyết minh 1(d)).

**Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2018 đến
ngày 30 tháng 9 năm 2018 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

17. Vốn góp

Biến động của vốn góp trong kỳ như sau:

	Giai đoạn từ 1/1/2018 đến 30/9/2018 VND	Năm kết thúc 31/12/2017 VND
Số dư đầu kỳ/năm	10.561.944.694.725	10.561.944.694.725
Chuyển về Tập đoàn Điện lực Việt Nam	(3.327.218.134)	-
Bàn giao Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Thủ Đức	(94.925.424.397)	-
Tăng khác	14.542.592.000	-
Số dư cuối kỳ/năm	10.478.234.644.194	10.561.944.694.725

Công ty mẹ trực tiếp và cấp cao nhất, Tập đoàn Điện lực Việt Nam, được thành lập tại Việt Nam.

Theo quyết định số 2100/QĐ-TTg ngày 27 tháng 12 năm 2017, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Phát điện 3. Tổng Công ty đã được Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu trên sàn UPCoM tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã giao dịch là PGV theo quyết định số 114/QĐ-SGDHN ngày 14 tháng 3 năm 2018.

18. Phân phối lợi nhuận

Nhóm Công ty phân phối lợi nhuận theo quy định tại điều 31 Nghị định 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ và Quy chế Quản lý Tài chính của các công ty cổ phần.

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2018 đến ngày 30 tháng 9 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

19. Chênh lệch tỷ giá hối đoái

	1/1/2018 VND	Phát sinh VND	Phân bổ vào chi phí VND	30/9/2018 VND
Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản (i)	1.098.488.973.504	-	(492.968.936.511)	605.520.036.993
Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản nợ phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ (ii)	1.350.707.975.274	(108.430.637.811)	(871.248.376.993)	371.028.960.470
Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm chính thức chuyển thành Công ty Cổ phần (iii)	-	1.401.755.252.988	-	1.401.755.252.988
	2.449.196.948.778	1.293.324.615.177	(1.364.217.313.504)	2.378.304.250.451

	1/1/2017 VND	Phát sinh VND	Phân bổ vào chi phí VND	31/12/2017 VND
Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản (i)	1.508.828.910.951	6.869.803.197	(417.209.740.644)	1.098.488.973.504
Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản nợ phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ (ii)	1.865.385.416.195	-	(514.677.440.921)	1.350.707.975.274
	3.374.214.327.146	6.869.803.197	(931.887.181.565)	2.449.196.948.778

- (i) Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản các công trình điện nằm trong Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia (thuyết minh 3(b)(ii)).
- (ii) Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ (thuyết minh 3(b)(iii)).
- (iii) Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm chính thức chuyển thành Công ty Cổ phần (Thuyết minh 3(b)(iv)).

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2018 đến
ngày 30 tháng 9 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

20. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản thuê ngoài

Tại ngày báo cáo, Nhóm Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động với lịch thanh toán sau:

	30/9/2018	1/1/2018
	VND	VND
Trong vòng một năm	11.366.097.978	10.597.532.991
Từ hai đến năm năm	45.430.549.049	45.465.429.463
Sau năm năm	286.932.636.646	292.575.977.240
	343.729.283.673	348.638.939.694

(b) Ngoại tệ

	30/9/2018		1/1/2018	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
Đô la Mỹ	28.343,47	660.123.168	66.049,67	1.496.632.698

(c) Cam kết đầu tư

Tại ngày 30/9/2018, theo kế hoạch đầu tư xây dựng đã được phê duyệt, Nhóm Công ty sẽ đầu tư 886.571 triệu VND để xây dựng các nhà máy điện và các công trình khác (tại ngày 1/1/2018 là 1.251.447 triệu VND).

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2018 đến
ngày 30 tháng 9 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

21. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Giai đoạn từ 1/1/2018 đến 30/9/2018 VND	Năm kết thúc 31/12/2017 VND
Doanh thu tiêu thụ điện	28.973.756.731.882	37.646.560.437.982
Doanh thu bán sản phẩm và dịch vụ khác	316.761.205.205	260.550.742.766
	29.290.517.937.087	37.907.111.180.748

22. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Giai đoạn từ 1/1/2018 đến 30/9/2018 VND	Năm kết thúc 31/12/2017 VND
Giá vốn sản xuất điện	25.308.564.945.465	33.350.453.433.632
Giá vốn sản phẩm và dịch vụ khác	286.631.400.047	251.383.619.026
	25.595.196.345.512	33.601.837.052.658

23. Doanh thu hoạt động tài chính

	Giai đoạn từ 1/1/2018 đến 30/9/2018 VND	Năm kết thúc 31/12/2017 VND
Lãi tiền gửi	121.037.180.986	125.180.262.748
Cổ tức được chia	53.091.120.640	51.671.954.000
Lãi chênh lệch tỷ giá do thanh toán	16.309.795.486	16.092.655.718
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	21.603.081.324	13.644.051.362
	212.041.178.436	206.588.923.828

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2018 đến
ngày 30 tháng 9 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

24. Chi phí tài chính

	Giai đoạn từ 1/1/2018 đến 30/9/2018 VND	Năm kết thúc 31/12/2017 VND
Chi phí lãi vay	2.034.789.676.172	2.639.770.574.279
Lỗ chênh lệch tỷ giá do thanh toán	35.213.748.256	18.088.860.426
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	1.364.217.313.504	1.189.223.848.482
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	(26.431.382.520)	(12.801.611.507)
Chi phí tài chính khác	5.451.390	6.330.300
	3.407.794.806.802	3.834.288.001.980

25. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Giai đoạn từ 1/1/2018 đến 30/9/2018 VND	Năm kết thúc 31/12/2017 VND
Chi phí nhân viên	172.735.963.012	213.582.496.637
Chi phí dịch vụ mua ngoài	42.142.876.450	57.212.444.227
Chi phí khác	134.483.702.587	166.218.475.664
	349.362.542.049	437.013.416.528

26. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Giai đoạn từ 1/1/2018 đến 30/9/2018 VND	Năm kết thúc 31/12/2017 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	20.253.403.498.640	24.850.756.002.905
Chi phí nhân công	645.366.790.153	783.444.408.257
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.269.005.211.443	5.001.950.528.314
Chi phí dịch vụ mua ngoài	316.124.752.837	527.634.417.356
Chi phí sửa chữa lớn	756.240.732.235	2.140.133.276.979
Chi phí khác	704.519.760.448	735.027.687.697

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2018 đến
ngày 30 tháng 9 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

27. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Giai đoạn từ 1/1/2018 đến 30/9/2018 VND	Năm kết thúc 31/12/2017 VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành		
Năm hiện hành	17.118.748.352	153.108.628.178
Năm trước	-	220.708.559
	17.118.748.352	153.329.336.737
Chi phí/(lợi ích) thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh các chênh lệch tạm thời	13.879.964.174	(1.157.089.417)
	30.998.712.526	152.172.247.320

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Giai đoạn từ 1/1/2018 đến 30/9/2018 VND	Năm kết thúc 31/12/2017 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	319.099.068.280	468.870.590.543
Thuế theo thuế suất Tổng Công ty	63.819.813.656	93.774.118.109
Các khoản thu nhập không chịu thuế	(45.016.552.583)	(46.435.531.300)
Chi phí không được khấu trừ thuế	7.591.372.306	212.447.022.387
Chi phí thuế thu nhập năm trước	-	220.708.559
Tài sản thuế hoãn lại không được ghi nhận	4.648.540.509	-
Ưu đãi thuế	(44.461.362)	(107.834.070.435)
	30.998.712.526	152.172.247.320

(c) Thuế suất áp dụng

Theo Luật thuế Thu nhập Doanh nghiệp hiện hành, Nhóm Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên thu nhập tính thuế.

Dự án nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 2 và dự án Nhà máy nhiệt điện Mông Dương 1 được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 4 năm kể từ năm đầu tiên dự án có thu nhập chịu thuế (từ năm 2015 đến năm 2018) và giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 9 năm tiếp theo.

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2018 đến
ngày 30 tháng 9 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

28. Các hoạt động đầu tư và tài chính phi tiền tệ

	Giai đoạn từ 1/1/2018 đến 30/9/2018 VND	Năm kết thúc 31/12/2017 VND
Tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang mua chưa thanh toán	1.564.540.602.810	1.791.659.620.757
Cần trừ công nợ phải trả Tập đoàn Điện lực Việt Nam và phải thu Công ty Mua bán điện	3.149.756.701.124	875.604.776.746
Chuyển gốc vay, lãi vay, phí vay lại, thuế nhà thầu sang phải trả khác	2.777.482.598.238	-
Xây dựng cơ bản dở dang chuyển sang hàng tồn kho	225.438.924.313	564.959.929.281
Bàn giao Công ty TNHH Nhiệt điện Thủ Đức (thuyết minh 1(d))	121.540.842.227	-
Chuyển xây dựng cơ bản dở dang chuyển sang chi phí trả trước	101.226.716.090	-
Lợi nhuận chuyển về Tập đoàn Điện lực Việt Nam	74.444.898.826	-
Bàn giao khoản vay về công ty mẹ	-	3.506.018.228.841
Cổ tức được chia nhưng chưa thu được từ Công ty liên kết	27.000.000.000	14.258.437.500
Cổ tức đã thông báo nhưng chưa trả	14.696.681.726	3.734.935.870

29. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm Nhóm Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	Giai đoạn từ 1/1/2018 đến 30/9/2018 VND	Năm kết thúc 31/12/2017 VND
Công ty mẹ		
Tập đoàn Điện lực Việt Nam		
Mua điện	93.593.294.327	128.443.231.126
Cung cấp dịch vụ	192.651.641.000	-
Vay trong năm	-	1.156.114.385.224
Thanh toán vay trong năm	3.609.367.205.129	2.396.678.847.034
Lãi vay	1.858.926.273.319	2.135.322.136.357
Lợi nhuận chuyển về Tập đoàn Điện lực Việt Nam	74.444.898.826	-
Các công ty liên kết		

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2018 đến
ngày 30 tháng 9 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	Giai đoạn từ 1/1/2018 đến 30/9/2018 VND	Năm kết thúc 31/12/2017 VND
Công ty Cổ Phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh Cổ tức được chia	63.016.948.000	63.016.948.000
Công ty Cổ Phần Thủy điện Thác Bà Cổ tức được chia	24.765.000.000	41.910.000.000
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Điện Sê San 3A Cổ tức được chia	37.800.000.000	16.800.000.000
<i>Các bên liên quan khác</i>		
Công ty Mua bán điện Bán điện	28.973.756.731.882	37.646.534.251.297
Công ty Nhiệt Điện Duyên Hải Cung cấp dịch vụ	216.048.000	2.913.513.946
Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc (Công ty Điện lực Quảng Ninh) Mua điện	9.388.082.831	8.074.281.106
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1 Mua dịch vụ	-	3.079.872.790
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 Mua dịch vụ Cung cấp dịch vụ	12.316.846.292 -	7.818.244.357 2.527.500.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3 Mua dịch vụ	1.671.848.605	2.326.989.530
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4 Mua dịch vụ	74.247.332.268	12.644.774.648
Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực Thu lãi tiền gửi	17.056.937.596	25.618.437.500
Chi Nhánh Tổng Công Ty Điện Lực Miền Nam TNHH - công Ty Thí Nghiệm Điện Miền Nam Mua dịch vụ	2.338.790.165	1.861.737.114

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2018 đến
ngày 30 tháng 9 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	Giai đoạn từ 1/1/2018 đến 30/9/2018 VND	Năm kết thúc 31/12/2017 VND
Công ty Viễn thông Điện lực và Công nghệ Thông tin – Chi nhánh Tập đoàn điện lực Việt Nam Mua dịch vụ	519.552.489	4.104.691.761
Công ty CP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 Cổ tức được chia	49.291.120.640	22.077.952.000
Công ty CP Dịch vụ sửa chữa điện miền Bắc Cổ tức được chia	-	300.000.000
Cán bộ cấp quản lý Tiền lương và thưởng	7.640.549.562	12.858.429.110

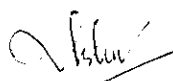
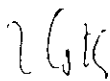
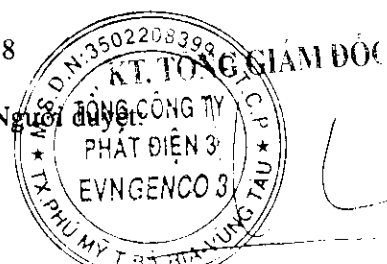
30. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2018 được mang sang từ số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính của Nhóm Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Ngày 23 tháng 11 năm 2018

Người lập:

Người duyệt:

Trần Nguyễn Khánh Linh
 Người lập biểu

Vũ Phương Thảo
 Trưởng ban Tài chính – Kế toán

Nguyễn Thị Thanh Hương
 Phó Tổng Giám đốc